

B. NỘI DUNG KIỂM TRA TẠI DOANH NGHIỆP**I. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế GTGT, TNDN, TNCN năm 2018**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chi tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
A	Thuế GTGT			
1	Tổng doanh thu	21.537.590.629	23.761.769.989	2.224.179.360
a	DT tính thuế 0%	-	-	-
-	DT tính thuế 5%	-	-	-
-	DT tính thuế 10%	21.537.590.629	23.761.769.989	2.224.179.360
2	Thuế GTGT đầu ra			
-	Thuế suất 5 %	-	-	-
-	Thuế suất 10 %	2.153.759.036	2.376.176.972	222.417.936
3	Thuế GTGT còn được K/trừ đầu kỳ	513.605.347	513.605.347	-
4	Thuế GTGT đầu vào ps trong kỳ	1.767.154.484	1.767.154.484	0
5	Tổng thuế GTGT đầu vào được k/trừ	2.280.759.831	2.280.759.831	0
6	Thuế GTGT đã khấu trừ trong năm	2.143.106.288	2.280.759.831	137.653.543
7	Thuế GTGT phải nộp	10.652.748	95.417.141	84.764.393
8	Thuế GTGT còn được K/trừ cuối kỳ	137.653.543	-	-137.653.543
B	Kết quả SXKD			
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	21.492.136.084	23.716.315.444	2.224.179.360
-	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
2	Giá vốn hàng bán	18.974.003.601	21.132.015.227	2.158.011.626
3	Lợi nhuận gộp	2.518.132.483	2.584.300.217	66.167.734
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	705.986	705.986	-
5	Chi phí tài chính	36.986.146	36.986.146	-
	- Lãi vay	12.821.918	12.821.918	-
6	Chi phí QLDN	2.353.318.880	2.353.318.880	-
7	Lợi nhuận SXKD	128.533.443	194.701.177	66.167.734
-	Thu nhập khác	45.454.545	45.454.545	-
-	Chi phí khác	-	-	-
8	Lợi nhuận khác	45.454.545	45.454.545	-
9	Tổng TN chịu thuế	173.987.988	240.155.722	66.167.734
-	Thu nhập tính thuế	173.987.988	240.155.722	66.167.734
-	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	
10	Thuế TNDN PS phải nộp trong kỳ	34.797.598	48.031.144	13.233.546
C	Các loại thuế khác			
-	Thuế môn bài phải nộp	5.000.000	5.000.000	-
-	Thuế thu nhập cá nhân	-	3.000.000	3.000.000

Giải thích số liệu chênh lệch:**1. Thuế GTGT**

- Doanh thu tính thuế GTGT 10% tăng 2.224.179.360đ, thuế GTGT đầu ra tăng 222.417.936đ là doanh thu bán hàng tháng 12/2018, Doanh nghiệp lập hoá đơn tháng

5/2019 (HĐ số 000522 ngày 10/5/2019; HĐ số 000523 ngày 13/5/2019; HĐ 000524 ngày 14/5/2019).

Do thuế GTGT đầu ra tăng 222.417.936đ làm cho thuế GTGT phải nộp năm 2018 tăng 84.764.393đ và thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau (đến 31/12/2018) giảm 137.653.543đ.

2. Thuế TNDN

- Doanh thu bán hàng tăng 2.224.179.360đ như giải thích ở trên.
- Giá vốn tăng 2.158.011.626đ, do các nguyên nhân sau:
 - + Giá vốn tăng 2.106.200.096đ do kết chuyển theo doanh thu tăng;
 - + Giá vốn tăng 162.100.000đ là thuế Tài nguyên, phí BVMT truy thu do doanh nghiệp kê khai thiếu sản lượng khai thác (trong đó: Thuế TN 116.340.000đ; phí BVMT 45.760.000đ);
 - + Giá vốn giảm 89.687.460đ, là tiền lương Doanh nghiệp trả cho 07 cá nhân, do không có hợp đồng lao động và không tham gia SXKD tại Công ty;
 - + Giá vốn giảm 20.601.010đ là tiền khấu hao xe công nông tời và xe HuynDai không có hồ sơ TSCĐ.

Do các nguyên nhân trên, làm cho thu nhập tính thuế TNDN tăng 66.167.734đ và thuế TNDN phải nộp năm 2018 tăng 13.233.546đ.

3. Thuế TNCN

Thực hiện hướng dẫn tại Công văn 2485/CT-KTNB ngày 29/5/2018 của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa về việc kiểm tra thuế TNCN từ tiền lương, tiền công từ 02 nơi trở lên bằng ứng dụng TMS, Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra chi phí tiền lương đối với 17 cá nhân có nhiều nguồn thu nhập, kết quả như sau:

- Có 01 cá nhân ông **Yên Bình** doanh nghiệp không khấu trừ đủ thuế TNCN khi trả thu nhập tiền lương, tiền công năm 2018, tiền thuế TNCN phải nộp năm 2018 là $3.000.000đ = 60.000.000đ \times 5\%$.
- Có 07 cá nhân Doanh nghiệp trả lương, số tiền 89.687.460đ nhưng không có hợp đồng lao động và không tham gia SXKD tại Công ty.
- Có 09 cá nhân có bản cam kết theo mẫu 02/CK-TNCN ban hành kèm thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ tài chính (có biểu chi tiết kèm theo).

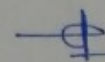
Đối với các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ 02 nơi trở lên, Đoàn kiểm tra không thực hiện xác minh cam kết theo mẫu 02/CK-TNCN ban hành kèm Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, đây là những cá nhân thuộc diện phải trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 3, Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ tài chính. Nếu sau này Cơ quan Thuế xác minh các cá nhân không có thu nhập tại Công ty thì Công ty chịu trách nhiệm kê khai, điều chỉnh thuế và bị xử lý theo quy định của pháp luật về thuế.

II. Tình hình in, phát hành, quản lý và sử dụng hoá đơn

1. Hoá đơn GTGT

Công ty TNHH Yên Bình thuộc đối tượng đặt in hoá đơn:

- Tồn đầu kỳ (Năm 2017 chuyển sang):
- + Hoá đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001; ký hiệu AA/10P: 495 số từ số 0000436 đến số 0000600 và từ số 0000671 đến số 0001000;



3. Nhận xét về quản lý và sử dụng hoá đơn

Từ 01/01/2018 đến 10/06/2019, Công ty TNHH Yên Bình đã thực hiện đặt in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP. Tuy nhiên, Công ty có hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 38 Nghị định số 109/2013ND-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (có 01 tình tiết tăng nặng).

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỚI NSNN

(Có biểu chi tiết kèm theo)

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CÁC YÊU CẦU

1. Kết luận

- Số liệu kiểm tra căn cứ trên các hồ sơ, chứng từ, sổ sách Công ty xuất trình. Nếu sau này phát sinh các tài liệu, hồ sơ khác làm ảnh hưởng đến số liệu kiểm tra Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Năm 2018 Công ty có khai thác và thu mua đá để sản xuất gia công đá xẻ tự nhiên, kết quả Đoàn kiểm tra xác nhận tỷ trọng trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm đá xẻ tự nhiên của Công ty TNHH Yên Bình năm 2018 là 84,35%.

- Đoàn kiểm tra không thực hiện: Xác minh hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra; Xác minh công nợ phải thu, phải trả; Kiểm kê kho hàng thời điểm kiểm tra; Xác minh số liệu đầu kỳ, cuối kỳ trên báo cáo tài chính.

- Công ty đã mở sổ sách kế toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo tài chính theo quy định. Định kỳ lập và gửi các tờ khai thuế, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn theo quy định.

- Tồn tại:

Công ty kê khai thiếu doanh thu, thuế GTGT đầu ra dẫn đến làm giảm thuế GTGT phải nộp và tăng thuế GTGT còn được khấu trừ; xác định chưa chính xác doanh thu và chi phí được trừ khi tính thuế TNDN làm thiếu số thuế TNDN phải nộp; kê khai sai sản lượng tài nguyên khai thác làm thiếu thuế Tài nguyên, phí BVMT phải nộp; không khấu trừ đủ thuế TNCN khi trả thu nhập tiền lương, tiền công năm 2018 thiếu thuế TNCN phải nộp.

Công ty lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (có 01 tình tiết tăng nặng);

Các hành vi trên của Công ty đã vi phạm quy định tại Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế; Khoản 6 Điều 3, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 1 Điều 40 Nghị định 109/2013ND-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

2. Kiến nghị xử lý

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế năm 2018;



Căn cứ khoản 3, Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Khoản 6 Điều 3, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 1 Điều 40 Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

Đoàn kiểm tra đề nghị lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá xử lý như sau:

- Truy thu thuế, số tiền 263.097.939đ, gồm:
 - + Thuế GTGT 84.764.393đ;
 - + Thuế TNDN 13.233.546đ;
 - + Thuế Tài nguyên 116.340.000đ;
 - + Phí BVMT 45.760.000đ;
 - + Thuế TNCN 3.000.000đ.

- Phạt vi phạm hành chính, số tiền 59.619.588đ, gồm:

- + Phạt hành vi kê khai sai 20%, số tiền 52.619.588đ;
- + Phạt vi phạm hành chính về hoá đơn, số tiền 7.000.000đ.

- Tiền chậm nộp tiền thuế phải nộp kiểm tra tăng thêm, số tiền 8.094.403đ.

Tổng cộng số tiền xử lý truy thu thuế và phạt 330.811.930 đồng (Ba trăm ba mươi triệu tám trăm mười một ngàn chín trăm ba mươi đồng).

- Giám thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau, số tiền 137.653.543đ (Số báo cáo 137.653.543đ; số kiểm tra: không).

3. Các yêu cầu

3.1 Yêu cầu Công ty TNHH Yên Bình nộp số tiền thuế còn tồn đọng vào NSNN theo quy định; nộp số tiền thuế truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên vào Tài khoản 7111 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Thanh Hoá khi có Quyết định của Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá.

3.2 Đoàn kiểm tra tình tiền chậm nộp của số thuế truy thu đến ngày lập biên bản (ngày 19/6/2019); Công ty tự tính, khai, nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế truy thu từ ngày tiếp sau ngày tính tiền chậm nộp trên biên bản đến ngày Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá ban hành quyết định xử lý sau kiểm tra.

3.3 Căn cứ biên bản kiểm tra thuế Công ty có trách nhiệm điều chỉnh số liệu trên sổ sách, báo cáo kế toán và tờ khai thuế theo chế độ hiện hành và khắc phục những tồn tại đã nêu trên.

D. Ý KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP

Biên bản được thông qua hồi 10giờ cùng ngày.

Biên bản gồm 07 trang và 07 biểu số liệu kèm theo được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, các thành viên thống nhất và đại diện ký tên dưới đây.